TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST - DS	*Hưng Yên, ngày 19 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 26/2024/TLST – DS ngày 18/10/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

+ Ông Trần Văn T, sinh năm 1961. Nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M: ông Trần Văn T, sinh năm 1961.

Đều cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Huy T, sinh ngày 20/8/2005. Nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Tùng: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: thôn P, xã H, tỉnh Hưng Yên.

- Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: thôn Q, xã T, tỉnh Hưng Yên.

- Ủy ban nhân dân (dưới đây viết tắt là: UBND) xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.

+ Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Hoài N – Chủ tịch UBND xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.

+ Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Thế A – Phó chủ tịch UBND xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng ông Đỗ Huy T1 và bà Nguyễn Thị H có thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21, bản đồ năm 2007 diện tích 607m^2, trong đó có 250m^2 đất ở tại nông thôn và 357m^2 đất trồng cây ăn quả lâu năm đã được Ủy ban nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB294683 ngày 24/11/2010. Quá trình sử dụng đất, ông T và bà H đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho người khác, phần diện tích đất của ông T và bà H còn lại là 105m^2, có các cạnh cụ thể: phía Tây giáp đất gia đình ông Kiều Văn D dài là 4,1m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Vũ Kim Â dài là 26.0m; phía Nam giáp gia đình chị Trần Thị T dài là 25,7m; phía Đông giáp đường liên xã dài là 4,1m.

Ngày 02/9/2014 vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị M và vợ chồng ông Đỗ Huy T1, bà Nguyễn Thị H có giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng một phần diện tích đất có chiều rộng là 4,1m và chiều dài là 24m trong thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21, tại thôn Phượng Lâu, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn Phượng Lâu, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên). Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2025 xác định diện tích đất vợ chồng ông T1, bà H chuyển nhượng quyền sử dụng cho vợ chồng ông T, bà M có kích thước các cạnh cụ thể: phía Tây giáp đất gia đình ông Kiều Văn D dài là 4,1m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Vũ Kim Â dài là 25,18m; phía Nam giáp đất gia đình chị Trần Thị T dài là 24,94 m; phía Đông giáp đường giao thông liên xã (phần diện tích đất hiến cho UBND xã) dài là 4,1m. Tổng diện tích đất đo thực tế là 101,8m^2. Trên đất ông T, bà M đã xây dựng các tài sản: 01 lán tôn, cao 3,2m, diện tích là 38,6m^2; 01 tường gạch đỏ cao 1,5m, dài 4,1m, diện tích 6,15m^2; 01 tường gạch bavanh, cao 0,3m, dài 15,4m, diện tích là 4,2m^2.

2. Các đương sự thỏa thuận:

2.1. Về việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Công nhận sự thỏa thuận của bà H, chị T và ông T tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 02/9/2014 giữa ông T1, bà H, ông T, bà M. Bà H, chị T, anh T giao cho ông T, bà M được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất đo thực tế là 101,8m^2, trong đó có 40m^2 đất ONT và 61,8m^2 CLN, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21, bản đồ năm 2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số BB294683 ngày 24/11/2010 do UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp, địa chỉ: thôn Phượng Lâu, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên, có kích thước các cạnh như sau: phía Tây giáp đất gia đình ông Kiều Văn D dài là 4,1m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Vũ Kim Â dài là 25,18m; phía Nam giáp gia đình chị Trần Thị T dài là 24,94m; phía Đông giáp phần đất hiến cho UBND xã Hiệp Cường dài là 4,1m.

Ông T, bà M được sử dụng toàn bộ các công trình xây dựng trên đất gồm: 01 lán tôn, cao 3,2m, diện tích là 38,6m^2; 01 tường gạch đỏ cao 1,5m, dài 4,1m, diện tích 6,15m^2; 01 tường gạch bavanh, cao 0,3m, dài 15,4m, diện tích là 4,2m^2.

2.2. Bà H, chị T, anh T có nghĩa vụ bàn giao thửa đất và toàn bộ giấy tờ liên quan đến thửa đất cho ông T, bà M.

Ông T, bà M có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kê khai, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ chủ sử dụng đất là ông T1, bà H sang chủ sử dụng đất là ông T, bà M và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích đất được giao trên theo quy định của pháp luật.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.3. Về việc tặng cho đất: Công nhận sự tự nguyện của bà H, chị T, ông T tặng cho và giao UBND xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên 3,2m^2 đất CLN, tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 21, bản đồ năm 2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB294683 ngày 24/11/2010 do UBND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên cấp, địa chỉ: thôn Phượng Lâu, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên, cụ thể: phía Tây giáp đất gia đình ông T sử dụng dài là 4,1m; phía Bắc giáp đất gia đình ông Vũ Kim Â dài là 0,82m; phía Nam giáp đất gia đình chị Trần Thị T dài là 0,76m phía Đông giáp phần đất hiến cho UBND xã Hiệp Cường dài là 4,1m.

2.4. Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: ông T, bà M tự nguyện chịu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H, chị T không đề nghị gì.

2.5. Về án phí: ông T, bà M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Trần Danh D đã nộp thay cho ông T, bà M, tại biên lai thu số 0001736 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Ông T, bà M đã nộp đủ án phí sơ thẩm dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND nhân dân khu vực 3- Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh